

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT Phòng, chống ma túy

Luật phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10 ngày 09 tháng 12 năm 2000 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2001, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Luật số 16/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia.

Để phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với tệ nạn ma túy;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định về phòng, chống ma túy¹.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Luật này quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tệ nạn ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy.

Điều 2.

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất ma túy* là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành.

¹ Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10.”

2. *Chất gây nghiện* là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

3. *Chất hướng thần* là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

4. *Tiền chất* là các hóa chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy, được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành.

5. *Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần* là các loại thuốc chữa bệnh được quy định trong các danh mục do Bộ Y tế ban hành, có chứa các chất quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

6. *Cây có chứa chất ma túy* bao gồm cây thuốc phiện (cây anh túc), cây cô ca, cây cần sa hoặc cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định.

7. *Phòng, chống ma túy* là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tệ nạn ma túy và kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

8. *Tệ nạn ma túy* là tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác về ma túy.

9. *Các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy* bao gồm các hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất, vận chuyển, bảo quản, tàng trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi, nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh các chất quy định tại các khoản 1, 4 và 5 Điều này, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

10. *Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy* là việc cho phép, theo dõi, kiểm tra, giám sát các hoạt động quy định tại khoản 9 Điều này và phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động đó vào mục đích khác.

11. *Người nghiện ma túy* là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

Điều 3.

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Trồng cây có chứa chất ma túy.

2. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, mua bán, phân phối, giám định, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, nghiên cứu trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần.

3. Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; xúi giục, cưỡng bức, lôi kéo, chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy.

4. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất, sử dụng trái phép chất ma túy.

5. Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội về ma túy mà có.
6. Chống lại hoặc cản trở việc cai nghiện ma túy.
7. Trả thù hoặc cản trở người có trách nhiệm hoặc người tham gia phòng, chống ma túy.
8. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.
9. Các hành vi trái phép khác về ma túy.

Điều 4.

1. Phòng, chống ma túy là trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và của toàn xã hội.

2. Nhà nước có chính sách khuyến khích, bảo vệ cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống tệ nạn ma túy; tổ chức đấu tranh chống các tội phạm về ma túy và sử dụng đồng bộ các biện pháp kinh tế, pháp luật, văn hóa, xã hội, nghiệp vụ để tuyên truyền, vận động nhân dân, cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia phòng, chống tệ nạn ma túy; kết hợp phòng, chống tệ nạn ma túy với phòng, chống các loại tội phạm, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 5.

1. Nhà nước Việt Nam thực hiện các điều ước quốc tế về phòng, chống ma túy và các điều ước quốc tế khác có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các bên cùng có lợi; hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động phòng, chống ma túy.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, đi lại trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam về phòng, chống ma túy.

Chương II **TRÁCH NHIỆM PHÒNG, CHỐNG MA TÚY**

Điều 6.

Cá nhân, gia đình có trách nhiệm:

1. Giáo dục thành viên trong gia đình, thân nhân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn thành viên trong gia đình tham gia tệ nạn ma túy.

2. Thực hiện đúng chỉ định của thầy thuốc về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần để chữa bệnh.

3. Đấu tranh với các hành vi trái phép về ma túy của thân nhân và của người khác.

4. Tham gia, hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện và tại cộng đồng; theo dõi, giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

Điều 7.

Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phát hiện, cung cấp nhanh chóng các thông tin về tệ nạn ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan khác có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết kịp thời những thông tin, tố giác về tệ nạn ma túy.

Điều 8.

1. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phát hiện, báo cáo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền việc trồng cây có chứa chất ma túy; tham gia triệt phá cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.

2. Tại các vùng phải xóa bỏ cây có chứa chất ma túy, các cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp để thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy; quy hoạch cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và thị trường phù hợp để nhân dân chuyển hướng sản xuất có hiệu quả.

Điều 9.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Tổ chức và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tuyên truyền, giáo dục nhân dân kiến thức, pháp luật về phòng, chống ma túy; xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, văn minh.

2. Phòng ngừa, ngăn chặn người của tổ chức mình và mọi công dân tham gia tệ nạn ma túy.

3. Giám sát hoạt động phòng, chống ma túy ở cơ quan, nhà trường, các cơ sở giáo dục khác và địa bàn dân cư.

4. Phối hợp với chính quyền các cấp, các cơ quan có thẩm quyền để vận động cai nghiện ma túy; tham gia giáo dục, dạy nghề, tìm việc làm và giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

Điều 10.

Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy và lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên tham gia tệ nạn ma túy.

2. Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy.

3. Phối hợp với cơ quan y tế và chính quyền địa phương tổ chức xét nghiệm khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên nghiện ma túy.

Điều 11.

Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức phòng, chống ma túy ở cơ quan, đơn vị mình; phòng ngừa, ngăn chặn cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia tệ nạn ma túy; tuyên truyền, động viên cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và nhân dân phát hiện, tố giác, đấu tranh với tệ nạn ma túy.

Điều 12.

Các cơ quan thông tin, tuyên truyền có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nhận thức rõ về tác hại của ma túy; chủ trương, chính sách, pháp luật, biện pháp của Nhà nước về phòng, chống ma túy.

Điều 13.²

1. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân được tiến hành một số hoạt động sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện các hoạt động ngăn chặn, đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy;

b) Áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trinh sát cần thiết để phát hiện tội phạm về ma túy;

c) Trưng cầu giám định mẫu vật, mẫu phẩm sinh học cần thiết để phát hiện tội phạm về ma túy;

d) Yêu cầu cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, tình hình tài chính và tài khoản tại ngân hàng khi có căn cứ cho rằng có hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 8 Điều 3 của Luật này;

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

đ) Yêu cầu cơ quan bưu điện mở bưu kiện, bưu phẩm để kiểm tra khi có căn cứ cho rằng trong bưu kiện, bưu phẩm đó có chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

e) Áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố giác, người làm chứng và người bị hại trong các vụ án về ma túy.

2. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này theo yêu cầu của cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy.

3. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển, cơ quan Hải quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan công an, các cơ quan hữu quan khác thực hiện và áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát.

4. Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy trong việc thực hiện, phối hợp thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Điều 14.

1. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy được Nhà nước bảo vệ và giữ bí mật.

2. Trường hợp cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức do tham gia phòng, chống ma túy mà bị thiệt hại về tài sản thì được Nhà nước đền bù; trường hợp cá nhân bị thương tích, tổn hại về sức khỏe hoặc bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách đặc biệt theo quy định của Chính phủ.

3. Cơ quan công an, hải quan, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, viện kiểm sát, tòa án và chính quyền các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III **KIỂM SOÁT CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP PHÁP** **LIÊN QUAN ĐẾN MA TÚY**

Điều 15.

Việc nghiên cứu, giám định, sản xuất, vận chuyển, bảo quản, tàng trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi, nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh lãnh thổ

Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần phải được quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

Điều 16.

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức được vận chuyển chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần phải đóng gói, niêm phong theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng của mình và có biện pháp bảo vệ an toàn, không để bị thất thoát.

2. Việc vận chuyển các chất quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 17.

Việc tồn trữ, bảo quản, kê đơn và bán thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần để chữa bệnh tại các cơ sở y tế phải thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 18.

Cá nhân, cơ quan, tổ chức tiến hành các hoạt động quy định tại các điều 15, 16 và 17 của Luật này phải lập hồ sơ về các hoạt động đó theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thông báo cho các cơ quan có liên quan khi có yêu cầu để phối hợp quản lý, kiểm soát chặt chẽ.

Điều 19.

Chỉ cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện do Chính phủ quy định mới được phép nhập khẩu, xuất khẩu chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần.

Điều 20.

1. Các trường hợp vận chuyển quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần phải có giấy phép quá cảnh của Bộ trưởng Bộ Công an Việt Nam. Tổ chức cần vận chuyển quá cảnh phải gửi đơn và hồ sơ xin phép quá cảnh kèm theo giấy phép của nước xuất khẩu và nước nhập khẩu đến Bộ Công an Việt Nam để làm thủ tục.

Giấy phép quá cảnh được gửi cho tổ chức xin phép, hải quan cửa khẩu nơi có hàng quá cảnh đi qua và các cơ quan khác có liên quan. Giấy phép quá cảnh có giá trị một lần trong thời hạn được ghi trong giấy phép.

2. Việc vận chuyển quá cảnh các chất quy định tại khoản 1 Điều này phải theo đúng hành trình đã ghi trong giấy phép quá cảnh. Tổ chức vận chuyển quá cảnh phải làm thủ tục, chịu sự kiểm soát của cơ quan hải quan và các cơ quan khác có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 21.

Mọi trường hợp vận chuyển chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần vào, ra hoặc qua lãnh thổ Việt Nam mà không có giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam hoặc không tuân thủ các quy định khác của pháp luật Việt Nam về vận chuyển, nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh thì đều bị coi là vận chuyển trái phép.

Điều 22.

Việc giao, nhận, vận chuyển, tàng trữ, bảo quản, sử dụng, nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần vì mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 23.

1. Việc mang theo một số lượng hạn chế thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần dự phòng cho việc sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình hoặc du lịch quốc tế trên tàu thủy, tàu bay, tàu hỏa, ô tô hoặc các phương tiện vận tải khác không bị coi là mang hàng xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

Người chỉ huy hoặc điều khiển phương tiện vận tải có trách nhiệm làm thủ tục khai báo với cơ quan hải quan của Việt Nam, giải trình về số lượng thuốc đã sử dụng và áp dụng các biện pháp an toàn thích hợp để ngăn chặn việc sử dụng không đúng mục đích hoặc vận chuyển trái phép các thuốc đó. Khi cần thiết, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam được tiến hành kiểm tra, kiểm soát trên các phương tiện vận tải đó.

2. Việc mang theo thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần để chữa bệnh của cá nhân khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của Bộ Y tế Việt Nam và phải chịu sự kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 24.

1. Chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần bị thu giữ trong các vụ án hình sự phải tiêu hủy, trừ trường hợp chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần được sử dụng trong các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy bị chiếm đoạt được trả lại cho chủ sở hữu.

2. Việc xử lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần kém chất lượng hoặc quá hạn sử dụng thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

3. Việc xử lý chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và tiền chất thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chương IV CAI NGHIỆN MA TÚY

Điều 25.³

Chính sách của Nhà nước về cai nghiện ma túy bao gồm:

1. Áp dụng chế độ cai nghiện đối với người nghiện ma túy, khuyến khích người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện.
2. Tổ chức cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.
3. Khuyến khích cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức thực hiện việc cai nghiện tự nguyện cho người nghiện ma túy, hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và phòng, chống tái nghiện ma túy; nghiên cứu, sản xuất, ứng dụng thuốc và phương pháp cai nghiện ma túy.
4. Hỗ trợ kinh phí thực hiện cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và phòng, chống tái nghiện ma túy.
5. Tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ, đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và phòng, chống tái nghiện ma túy được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 26.⁴

1. Người nghiện ma túy có trách nhiệm:
 - a) Tự khai báo về tình trạng nghiện ma túy của mình với cơ quan, tổ chức nơi làm việc hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú và tự đăng ký hình thức cai nghiện ma túy;
 - b) Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cai nghiện ma túy.
2. Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm:
 - a) Khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã về người nghiện ma túy trong gia đình mình và đăng ký hình thức cai nghiện cho người đó;
 - b) Động viên, giúp đỡ và quản lý người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo sự hướng dẫn, giám sát của cán bộ y tế và Ủy ban nhân dân cấp xã;

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

c) Theo dõi, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn người nghiện sử dụng trái phép chất ma túy hoặc có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;

d) Hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện và đóng góp kinh phí cai nghiện theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức cho người nghiện ma túy, gia đình người nghiện ma túy khai báo về tình trạng nghiện ma túy và đăng ký hình thức cai nghiện.

Điều 26a.⁵

1. Các biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm:

- a) Cai nghiện ma túy tự nguyện;
- b) Cai nghiện ma túy bắt buộc.

2. Các hình thức cai nghiện ma túy bao gồm:

- a) Cai nghiện ma túy tại gia đình;
- b) Cai nghiện ma túy tại cộng đồng;
- c) Cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện.

Điều 27.⁶

1. Hình thức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng được áp dụng đối với người tự nguyện cai nghiện, trừ trường hợp người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện tại cơ sở cai nghiện.

Trường hợp người nghiện ma túy không tự nguyện cai nghiện thì áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng từ sáu tháng đến mười hai tháng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức cai nghiện ma túy tại cộng đồng, hướng dẫn, hỗ trợ cai nghiện ma túy tại gia đình.

4. Chính phủ quy định cụ thể về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng và trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

⁵ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Điều 28.

1. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú nhất định phải được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Việc đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Thời hạn cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc từ một năm đến hai năm.

3. Người nghiện ma túy tự nguyện làm đơn xin cai nghiện thì được nhận vào cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc và không bị coi là bị xử lý vi phạm hành chính.

4. Tổ chức và hoạt động của cơ sở cai nghiện bắt buộc, chế độ cai nghiện bắt buộc, thủ tục đưa người nghiện ma túy quy định tại khoản 1 Điều này vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 29.

1. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú nhất định thì được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho họ.

2. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tự nguyện hoặc được gia đình làm đơn xin cai nghiện thì được nhận vào cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho họ.

3. Việc cai nghiện ma túy đối với người nghiện ma túy quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không coi là việc xử lý vi phạm hành chính.

4. Tổ chức và hoạt động của cơ sở cai nghiện bắt buộc, thẩm quyền, thời gian, chế độ cai nghiện, thủ tục đưa người nghiện ma túy quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Chính phủ quy định.

Điều 30.

Trong thời gian cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy có trách nhiệm:

1. Tuân thủ nội quy và chịu sự quản lý, giáo dục của cơ sở cai nghiện bắt buộc.
2. Lao động, học tập, chữa bệnh để cai nghiện và góp phần đảm bảo đời sống trong thời gian cai nghiện.

Điều 31.⁷

1. Nhà nước áp dụng phương pháp cai nghiện thích hợp đối với người nghiện ma túy là người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên của cơ sở giáo dục, học sinh của

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

trường giáo dưỡng. Cơ quan quản lý các cơ sở này phối hợp chặt chẽ với cơ quan y tế địa phương để thực hiện quy định này.

2. Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam, giám đốc cơ sở giáo dục, hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cai nghiện ma túy của người nghiện ma túy quy định tại khoản 1 Điều này khi họ trở về nơi cư trú.

Điều 32.

1. Trong cơ sở cai nghiện, những người nghiện ma túy sau đây phải được bố trí vào các khu vực tách riêng với những người nghiện ma túy khác để quản lý và chữa bệnh:

- a) Người chưa thành niên;
- b) Phụ nữ;
- c) Người có bệnh truyền nhiễm nguy hiểm;
- d) Người đã cai nghiện nhiều lần hoặc có hành vi gây rối trật tự.

2. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm thực hiện đúng phương pháp cai nghiện đã được cơ quan có thẩm quyền duyệt; tổ chức lao động, học tập, chữa bệnh cho người cai nghiện ma túy.

3. Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy được quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật để quản lý chặt chẽ, giáo dục, chữa bệnh cho người cai nghiện và yêu cầu chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang nhân dân giúp đỡ khi cần thiết.

Chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang nhân dân có trách nhiệm phối hợp thực hiện các biện pháp bảo vệ cơ sở cai nghiện ma túy và hỗ trợ cán bộ, công chức, nhân viên tại các cơ sở này khi có yêu cầu.

4. Cơ sở cai nghiện ma túy phải tôn trọng danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe, tài sản của người cai nghiện ma túy.

Điều 32a.⁸

Người đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện mà phạm tội, nếu thời gian bị phạt tù ít hơn thời gian cai nghiện ma túy thì sau khi chấp hành xong hình phạt tù phải tiếp tục cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc; trường hợp phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo thì vẫn phải thực hiện cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

⁸ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Điều 33.⁹

1. Người nghiện ma túy sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện phải chịu sự quản lý sau cai nghiện từ một năm đến hai năm theo một trong hai hình thức sau đây:

a) Quản lý tại nơi cư trú do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với người không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện đối với người có nguy cơ tái nghiện cao.

2. Nội dung quản lý sau cai nghiện bao gồm:

a) Quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ phòng, chống tái nghiện; hỗ trợ học nghề, tìm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để hòa nhập cộng đồng đối với người được quản lý tại nơi cư trú;

b) Quản lý, tư vấn, giáo dục, dạy nghề, lao động sản xuất và chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng đối với người được quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện.

3. Người được quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện tham gia lao động sản xuất được hưởng thành quả lao động của mình theo quy định của Chính phủ.

4. Người đang được quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện mà bỏ trốn thì người đứng đầu cơ sở ra quyết định truy tìm; cơ quan công an có trách nhiệm phối hợp với cơ sở quản lý sau cai nghiện trong việc truy tìm để đưa người đó trở lại cơ sở thực hiện tiếp thời gian còn lại.

5. Cơ sở quản lý sau cai nghiện phải tôn trọng danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe, tài sản của người được quản lý sau cai nghiện.

6. Người đã hoàn thành thời gian quản lý sau cai nghiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, gia đình tiếp nhận, tạo điều kiện học nghề, tìm việc làm, vay vốn, tham gia các hoạt động xã hội để hòa nhập cộng đồng, giúp đỡ phòng, chống tái nghiện.

7. Chính phủ quy định cụ thể tiêu chí xác định đối tượng có nguy cơ tái nghiện cao quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục đưa vào cơ sở quản lý sau cai nghiện; chế độ quản lý và chính sách hỗ trợ cho người sau cai nghiện; tổ chức và hoạt động của cơ sở quản lý sau cai nghiện.

Điều 34.

Ủy ban nhân dân các cấp nơi có người nghiện ma túy có trách nhiệm lập kế hoạch tổ chức cai nghiện và phòng, chống tái nghiện ma túy tại địa phương;

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

chỉ đạo cơ quan lao động - thương binh và xã hội chủ trì phối hợp với cơ quan công an, y tế, giáo dục và đào tạo cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý, giáo dục người nghiện ma túy và người đã cai nghiện ma túy; hỗ trợ, tạo điều kiện cho người đã cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng.

Điều 34a.¹⁰

1. Biện pháp can thiệp giảm tác hại của nghiện ma túy là biện pháp làm giảm hậu quả tác hại liên quan đến hành vi sử dụng ma túy của người nghiện gây ra cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

2. Biện pháp can thiệp giảm tác hại của nghiện ma túy được triển khai trong nhóm người nghiện ma túy thông qua chương trình, dự án phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

3. Chính phủ quy định cụ thể các biện pháp can thiệp giảm tác hại của nghiện ma túy và tổ chức thực hiện các biện pháp này.

Điều 35.

1.¹¹ Kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất, tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện, phòng, chống tái nghiện ma túy được quy định tại các điều 27, 28, 29, 31, 33 và 34 của Luật này, bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Đóng góp của người cai nghiện ma túy và gia đình họ;
- c) Các nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Người nghiện ma túy, vợ hoặc chồng của người nghiện ma túy, cha, mẹ của người chưa thành niên nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp kinh phí cai nghiện theo quy định của Chính phủ; trường hợp có hoàn cảnh khó khăn thì được xét giảm hoặc miễn đóng góp kinh phí cai nghiện.

3. Cơ sở cai nghiện ma túy được tiếp nhận các khoản đóng góp, tài trợ của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài để cai nghiện cho người nghiện ma túy và phải quản lý, sử dụng các khoản đóng góp, tài trợ đó theo quy định của pháp luật.

¹⁰ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Điều 36.

Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy bao gồm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch về phòng, chống ma túy.
2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.
3. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về phòng, chống ma túy.
4. Ban hành, sửa đổi, bổ sung, công bố danh mục chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần.
5. Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.
6. Quyết định thành lập, giải thể cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động của các cơ sở khác về cai nghiện ma túy; tổ chức và quản lý việc cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng cho người đã cai nghiện ma túy.
7. Tổ chức đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy.
8. Thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống ma túy.
9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về phòng, chống ma túy.
10. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy.
11. Hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.
12. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

Điều 37.

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy.
2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy.
3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với các cơ quan hữu quan trong phòng, chống ma túy.
4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy tại địa phương; chỉ đạo việc tuyên truyền, giáo dục, tổ chức phòng, chống ma túy

tại địa phương; quản lý việc cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng cho người đã cai nghiện ma túy.

Điều 38.

1. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch phòng, chống tội phạm về ma túy; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch phòng, chống ma túy của các bộ, ngành trình Chính phủ;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan nhà nước hữu quan trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy; tổ chức tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm ma túy;

c) Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý chất ma túy và tiền chất phục vụ đấu tranh chống tội phạm về ma túy;

d) Tổ chức lực lượng điều tra các tội phạm về ma túy, hướng dẫn các cơ quan khác tiến hành điều tra ban đầu các tội phạm này theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức công tác giám định chất ma túy và tiền chất;

e) Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, giám định chất ma túy và tiền chất;

g) Thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống ma túy; quản lý thông tin về các tội phạm về ma túy;

h) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo việc lập hồ sơ và tổ chức đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, giữ gìn an ninh, trật tự tại các cơ sở cai nghiện, kiểm tra hoạt động cai nghiện ma túy tại cộng đồng và trong các cơ sở cai nghiện;

i) Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm về ma túy.

2. Bộ trưởng Bộ Công an cấp, thu hồi giấy phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần; cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu chất ma túy sử dụng trong lĩnh vực đấu tranh chống tội phạm.

Điều 38a.¹²

Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống ma túy ở khu vực biên giới trên đất liền, khu vực biên giới trên biển, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

¹² Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

2. Phối hợp với cơ quan hữu quan của nước khác để phát hiện, ngăn chặn các hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần qua biên giới theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy của Bộ đội Biên phòng và lực lượng Cảnh sát biển.

Điều 38b.¹³

Bộ Tài chính có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo cơ quan Hải quan thực hiện hoạt động phòng, chống ma túy theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chủ trì phối hợp với bộ, ngành, chính quyền địa phương xây dựng dự toán kinh phí phòng, chống ma túy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 39.¹⁴

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện; chỉ đạo tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.

2. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.

3. Chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan và chính quyền địa phương xây dựng, hướng dẫn hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở quản lý sau cai nghiện; dạy nghề, tạo việc làm, tư vấn, hỗ trợ, tạo điều kiện vật chất và tinh thần để giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

4. Thống kê, đánh giá tình hình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.

5. Hướng dẫn, chỉ đạo việc thành lập, giải thể cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở quản lý sau cai nghiện; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động của các cơ sở khác về cai nghiện ma túy.

¹³ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

¹⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế về cai nghiện ma túy và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.

Điều 40.

1.¹⁵ Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Ban hành danh mục, quy chế quản lý thuốc gây nghiện, tiền chất, thuốc hướng thần sử dụng trong lĩnh vực y tế và tổ chức thực hiện quy chế đó; ban hành và chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức thực hiện quy chế quản lý chất ma túy sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học;

b) Quy định việc nghiên cứu thuốc và phương pháp cai nghiện ma túy; cấp, thu hồi giấy phép lưu hành thuốc, phương pháp cai nghiện ma túy; hướng dẫn, thủ tục xác định người nghiện ma túy; hỗ trợ về người, chuyên môn kỹ thuật y tế để cai nghiện ma túy;

c) Thực hiện hợp tác quốc tế về kiểm soát thuốc gây nghiện, tiền chất, thuốc hướng thần sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học;

d) Chỉ đạo các cơ sở y tế phối hợp xét nghiệm, xác định và cai nghiện cho người nghiện ma túy ở xã, phường, thị trấn.

2. Bộ trưởng Bộ Y tế cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc cai nghiện ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, chất ma túy, tiền chất sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học.

Điều 41.

1. Bộ Công Thương¹⁶ có trách nhiệm:

a) Ban hành danh mục, quy chế quản lý tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp và tổ chức thực hiện quy chế đó;

b) Thực hiện hợp tác quốc tế về kiểm soát tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương¹⁷ cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu tiền chất sử dụng trong các lĩnh vực sản xuất, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 40 của Luật này.

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

¹⁶ Cụm từ “Bộ Công nghiệp” được thay bằng cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

¹⁷ Cụm từ “Bộ Công nghiệp” được thay bằng cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Điều 42.

Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phòng, chống ma túy; xây dựng, tổ chức thực hiện các dự án giáo dục phòng, chống ma túy trong nhà trường, các cơ sở giáo dục khác.

Điều 42a.¹⁸

Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan hữu quan thực hiện hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng, chống ma túy.

Điều 43.¹⁹

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan, tổ chức hữu quan khác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức xóa bỏ cây có chứa chất ma túy; thực hiện chương trình trợ giúp chuyển hướng sản xuất có hiệu quả, ổn định đời sống của nhân dân.

Điều 44.²⁰ (được bãi bỏ)**Điều 45.**

Các cơ quan quy định tại các điều từ Điều 37 đến Điều 44 của Luật này, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về quản lý các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tệ nạn ma túy; cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện; nghiên cứu khoa học, huấn luyện nghiệp vụ phòng, chống ma túy;

2. Xử lý các vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố, điều tra các hành vi có dấu hiệu của tội phạm về ma túy.

¹⁸ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

²⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Chương VI

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Điều 46.

Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách hợp tác quốc tế đa phương và song phương trong lĩnh vực phòng, chống ma túy trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia với các nước trong khu vực Đông Nam Á và các nước khác trên thế giới; khuyến khích các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác với các cơ quan, tổ chức của Việt Nam hỗ trợ lẫn nhau về cơ sở vật chất, tăng cường năng lực pháp luật, thông tin, công nghệ và đào tạo cho hoạt động phòng, chống ma túy.

Điều 47.

Trên cơ sở các quy định của Luật này và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện các chương trình hợp tác về phòng, chống ma túy với các cơ quan hữu quan của các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Điều 48.

Việc phối hợp giữa các cơ quan hữu quan của Việt Nam với nước có liên quan để giải quyết vụ việc cụ thể về ma túy phải tuân theo các quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước có liên quan đã ký kết hoặc tham gia, hoặc theo thỏa thuận trực tiếp giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước có liên quan.

Điều 49.

1. Nhà nước Việt Nam dành ưu tiên cho nước ký kết điều ước quốc tế song phương với Việt Nam sự tương trợ tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm về ma túy.

2. Nhà nước Việt Nam có thể từ chối tương trợ tư pháp trong các trường hợp sau:

a) Yêu cầu tương trợ tư pháp không phù hợp với các điều ước quốc tế về phòng, chống ma túy mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia và pháp luật Việt Nam;

b) Việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp gây tổn hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc lợi ích quan trọng khác của Việt Nam.

Điều 50.

Trong trường hợp Việt Nam và nước có liên quan không cùng tham gia điều ước quốc tế đa phương hoặc chưa ký với nhau điều ước quốc tế song phương thì các cơ quan tư pháp của Việt Nam trong khuôn khổ pháp luật và thực tiễn của mình, được thỏa thuận trực tiếp với cơ quan tư pháp của nước có liên quan trong việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về ma túy.

Điều 51.

Nhà nước Việt Nam thực hiện yêu cầu chuyên giao hàng hóa có kiểm soát trên cơ sở điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia để phát hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội về ma túy. Quyết định sử dụng biện pháp này được tiến hành theo thỏa thuận giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và của nước có liên quan.

**Chương VII
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM****Điều 52.**

Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có thành tích trong đấu tranh phòng, chống ma túy thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 53.

1. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật; việc xử lý phải kiên quyết, công khai và thông báo cho cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã²¹ nơi người vi phạm làm việc hoặc cư trú.

2. Người nào sử dụng tài sản, phương tiện của mình để chứa chấp hoặc tạo điều kiện cho các hoạt động trái phép về ma túy; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về phòng, chống ma túy; cản trở, chống đối, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người tố giác, người làm chứng, người bị hại, người thi hành công vụ hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm các quy định của Luật này trong khi thi hành nhiệm vụ về phòng, chống ma túy thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 54.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

²¹ Cụm từ “chính quyền cơ sở” được thay bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 55.²²

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2001.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Điều 56.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này./.

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Số: 13/VBHN-VPQH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2012

CHỦ NHIỆM

Nguyễn Hạnh Phúc

²² Điều 3 của Luật số 16/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 quy định như sau:

“Điều 3

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.”